

ÂM NHẠC THỜI LÝ-TRẦN Ở KINH BẮC

NGUYỄN THỊ THÁI PHƯƠNG

Email: babytrackwork1972@gmail.com

Học viên Cao học K19 Quản lý Văn hóa - Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

THE MUSIC OF THE LY – TRAN DYNASTY IN KINH BAC

TÓM TẮT



ABSTRACT

Âm nhạc Việt Nam thời tiền Lý vẫn còn sơ khai với bộ nhạc cụ chủ yếu là Chuông, Trống, Đàn Cầm, Tù Và, Sáo. Đối tượng sử dụng và ứng dụng hạn hẹp. Theo dòng chảy lịch sử âm nhạc thời Lý - Trần đã khởi sắc với nhiều thành tựu mang dấu ấn lịch sử. Bộ nhạc cụ đã cải tiến phong phú hơn, được sử dụng phổ biến trong dân chúng. Đây cũng là thời kì ghi dấu sự giao thoa âm nhạc với văn hóa Chiêm Thành và Trung Hoa. Thành tựu âm nhạc không chỉ kể đến việc sáng tạo ra những loại nhạc cụ mới mà còn là điểm khởi nguồn của nhiều trò chơi dân gian, các loại hình nghệ thuật mới. Nghiên cứu tư liệu và hiện vật cổ lưu giữ tại Bắc Ninh (Kinh Bắc xưa).

Từ khóa: Âm nhạc thời tiền Lý, Âm nhạc thời Lý, Âm nhạc thời Trần, Âm nhạc Phật giáo tại Kinh Bắc

In Pre-Ly dynasty, Vietnamese music was still in its infancy with the main instruments of the bell, drum, harp, instrument of ivory and cork flute. Target users and applications are limited. According to the historical flow, music of Ly - Tran dynasty has prospered with many achievements with historical marks. The improved, richer set of instruments is widely used among the general public. This is also the period of the musical interference with Chiem Thanh and Chinese culture. The music achievements has not only included the creation of new musical instruments but also been the starting point of many folk games and new art forms. The study has made by national documents and research of historical objects in Bac Ninh (Kinh Bac).

Keywords: Pre-Ly dynasty music; Ly Dynasty music; Tran Dynasty music; Buddhist music in Kinh Bac

Với vị thế địa - văn hoá đặc biệt, Bắc Ninh nằm giữa những điểm giao nhau và giao lưu của dòng chảy văn hóa lớn của khu vực, đặc biệt là Hán - Ấn. Giữa điểm giao đó, bên cạnh các luồng tư tưởng tôn giáo và văn hóa là truyền thống âm nhạc của các nền văn minh lớn đã đi qua và để lại nhiều dấu ấn làm nên sự đa dạng phong phú của âm nhạc Việt Nam. Bài viết này đề cập đến vấn đề âm nhạc Phật giáo thời Lý - Trần của xứ Kinh Bắc (Bắc Ninh ngày nay) thông qua các tư liệu thư tịch và văn vật khảo cổ học hiện còn giữ được và liên tục được phát quật trong thời gian qua.

1. Âm nhạc Tôn giáo thời tiền Lý ở Kinh Bắc

Luy Lâu là vùng đất đầu tiên ghi nhận sự dừng chân của những nhà truyền giáo từ Ấn Độ trên con đường đến Trung Hoa. Âm nhạc Phật giáo thời kì này đã được sáng tạo những đặc thù riêng để trợ giúp các tu sĩ nhớ và trì tụng những gì Đức Phật thuyết giảng. Nhạc cụ sử dụng chủ yếu là Sáo. Thời Bắc thuộc, các nhạc khí phương Bắc cũng theo chân các quan lại, thương gia giàu có đến Giao Châu (Giao Chỉ). Căn

cứ vào tác phẩm Lý hoặc luận (Lý giải những điều còn nghi hoặc) của Mậu Bác, người Giao Châu sống vào khoảng cuối thế kỉ II đầu thế kỉ III sau Công nguyên, Giáo sư - tiến sĩ - sử gia - thiền sư Lê Mạnh Thát trong cuốn “Nghiên cứu về Mậu Tử” “chỉ rõ tới thiếu Mậu Tử đã sử dụng 6 nhạc cụ do Mậu Tử đích danh kể ra. “Đó là *chuông* (điều 13), *trống* (điều 13), *đàn* (điều 24 và tựa), *đàn cầm* (điều 26 và 33), *sừng* (điều 15) và *sáo* (lời tựa). Ngoài ra, nếu căn cứ vào những phân tích điển cố trên thì Mậu Tử hẳn đã biết nhiều hơn là 6 nhạc cụ vừa kể”.

Nhắc đến âm nhạc thời Bắc thuộc không thể không nhắc đến Sĩ Nhiếp. “*Sĩ Nhiếp qua làm thái thú quận Giao Chỉ, sau lên chức Thứ sử Giao Châu, trước sau ngót khoảng 40 năm. Khi ra đường người ta thường nghe tiếng mõ, kiểng, chuông trống và thấy bọn rợ Hồ (tên gọi người Ấn Độ thời bấy giờ) cầm hương đi hai bên xe (của Sĩ Nhiếp) từng toán hàng chục người*” (trong Kiến trúc Phật giáo Việt Nam - 1972, tr.13). Đại Việt sử lý toàn thư (Toàn thư) thì chép rằng:

“Xuất nhập mình chứng khánh, bị cụ ủy nghi, già tiêu cổ truy, xa kỳ môn đạo” (Ngoại ký.Q3, tr.10). Câu này dịch là: “Khi ra vào thì đánh chuông khánh, đầy đủ ủy nghi, già tiêu thổi vàng, ngựa xe đầy đường”. Đoạn văn trên mô tả cảnh tấu nhạc theo đoàn tùy tùng đưa đón Sĩ Vương.

GS Lê Mạnh Thát dựa vào rất nhiều thư tịch cổ Trung Quốc và Việt Nam như: Ngô chí (Trần Thọ), Đại Việt sử lược, Cương mục, Tổng thư, Nghệ văn loại tự, Đường hội yếu... chứng minh rằng, tiêu là hai nhạc cụ, còn cổ xúy là bộ ba nhạc cụ gồm trống, già và tiêu.

Một tư liệu quý về tình hình âm nhạc nước ta trong thời Bắc thuộc là quả chuông Nhật Tảo được phát hiện năm 1987 tại văn chỉ thôn Nhật Tảo, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Quả chuông có khắc mình văn và mang nhiều giá thông tin này đã được Hà Văn Tấn nghiên cứu và công bố trên tạp chí Khảo cổ học số 1 năm 1998.

Minh văn trên chuông cho biết đây là quả chuông của một cơ sở Đạo giáo lúc bấy giờ. Bài văn ghi danh những người góp tiền để vẽ một bức tranh Thái Thượng tam tôn, 6 chiếc phướn báu và 1 quả chuông.

Cả hai quả chuông này, một chuông Phật giáo, một chuông Đạo giáo cho thấy những nhạc cụ tôn giáo như là những pháp khí đã được sử dụng trong nghi lễ tôn giáo ở nước ta dưới thời Bắc thuộc.

Tóm lại, dưới thời Bắc thuộc, các nhạc cụ có mặt tại Giao Châu đã khá phong phú, gần với các nghi lễ Phật giáo và Đạo giáo và chủ yếu là các nhạc cụ được du nhập từ phương Bắc. Dân nhạc Phật giáo và Đạo giáo chắc chắn đã khá hoàn chỉnh và chịu ảnh hưởng từ âm nhạc Trung Hoa lúc bấy giờ.

2. Âm nhạc Phật giáo thời Lý-Trần ở Kinh Bắc

Đại Việt sử kí toàn thư chép: “*Nhâm Dần, năm thứ 5 (1362), mùa xuân, tháng Giêng truyền cho các nhà vua vương hầu cùng công chúa dâng trò chơi, vua xét định trò nào hay nhất thì ban thưởng cho. Trước đây, khi đánh quân Toa Đô, bắt được người phương hát là Lý Nguyên Cát hát giỏi, những con ở tuổi trẻ các nhà thế gia theo tập hát điệu phương Bắc. Nguyên Cát đồng tấu truyền cổ, có các tích Vương Mẫu hiển bàn đào, người ra trò có danh hiệu là quan nhân, chu tử, đàn nương, câu nô, cộng 12 người đều mặc áo gấm, áo thêu, đánh trống, thổi sáo, gảy đàn, vỗ tay, gõ phím đàn, thay đổi nhau ra vào làm trò, có thể cảm động lòng người, muốn cho buồn được buồn, muốn cho vui được vui. Nước ta có tấu truyền bắt đầu từ đây*”(Sđd, tr.164).

“An Nam chí lược: của Lê Tắc, thời Lý - Trần cho biết

các “*Nhạc khí: có thứ trống “phạn sĩ” (trống cơm), nguyên nhạc khí của Chiêm Thành, kiểu tròn và dài, nghiêng cơm, bịt hai đầu, cứ giữa mặt và vỏ thì kêu tiếng trong mà rõ ràng, hợp với ống kèn, thập nứa, cái xập xoã, cái trống lớn, gọi là đại nhạc, chỉ vua mới được dùng; các tôn thất quý quan có gặp lễ đám cháy, đám cưới mới cho dùng đại nhạc. Còn đàn cầm, đàn tranh, tỳ bà, đàn thất huyền, đàn song huyền, ống địch, ống sáo, kèn và quyển, thì gọi là tiểu nhạc, không kể sang hèn, ai cũng dùng được. Các bài khúc như Năm Thiên Nhạc, Ngọc Lâu Xuân, Đạp Thành Dư, Mộng Du Tiên, Cảnh Lậu Trường, không thể chép hết, hoặc dùng thơ ngữ làm thì phủ phổ vào âm nhạc, để tiện ca ngâm các bài nhạc đều gọi được mỗi tình hoan lạc và sầu oán, ấy là tục người An Nam vậy*”.

Như vậy, thời này ghi nhận có nhạc cụ: phạn sĩ (trống cơm), kèn, thập nứa, xập xoã, trống lớn, đàn cầm, đàn tranh, tỳ bà, đàn thất huyền, đàn song huyền, ống địch, ống sáo, kèn và quyển. Và lúc này đã chia thành đại nhạc và tiểu nhạc để phân biệt đẳng cấp trong việc tấu nhạc.

Lê Quý Đôn trong “Vân đài loại ngữ” và “Kiến văn tiểu lục” đã ghi nhận nhiều tư liệu về âm nhạc và vũ đạo các đời. Kiến văn tiểu lục chép: “*Sứ Giáo tập chép: Trần Cương Trung thường dự yến tiệc ở điện Tập Hiền, thấy con trai đóng vai kép, con gái đóng vai đào, mỗi bên 10 người, đều ngồi dưới đất; các thứ đàn, có đàn tỳ bà, đàn tranh và đàn bầu v.v.*”.

Ngoài tư liệu thư tịch, các tư liệu khảo cổ học là các văn vật được tìm thấy trong các di tích thời Lý - Trần ở một số địa phương cũng cho nhiều hiểu biết về các nhạc cụ và cách chơi nhạc cụ ở thời này. Đó là các bức chạm ở chùa Thái Lạc, xã Lạc Hồng, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên, chạm đàn nữ nhạc thời Trần có đàn nguyệt, đàn tranh, đàn nhị (hồ), đàn tỳ bà và cặp sênh.

Một hiện vật khảo cổ đặc biệt quan trọng nữa xác tín về hình thành âm nhạc Phật giáo thời Lý tại Kinh Bắc (Bắc Ninh) là tảng kê chân cột chùa Phật Tích.

Tảng kê chân cột bằng đá này được xác định niên đại chính xác là năm 1075. Những hiện vật này được phát hiện bởi nhà khảo cổ học Bezacier và công bố trong L'Art Vietnamien, Paris năm 1955. Nhà nghiên cứu âm nhạc Trần Văn Khê là người đầu tiên nghiên cứu về những nhạc cụ được chạm khắc trên tảng kê chân cột này. Ông cho biết có 10 vị thần tấu nhạc với 9 nhạc cụ khác nhau, là: phách, hồ cầm, sáo, kim, hoàng sênh, tỳ bà, ống tiêu, đàn nguyệt và trống cơm. Sau này, GS. Lê Mạnh Thát còn cho biết thêm: “Trong 9 nhạc cụ này, không có cái nào có thể coi như làm bằng kim thuộc loại làm bằng đá, ngược lại chúng hoàn toàn hoặc thuộc loại làm bằng dây như hồ cầm, kim, tỳ bà v.v. hay thuộc loài làm bằng ống như

ổng sáo, hoàng sênh ..v.v”. Lê Mạnh Thát gọi đây là những “thiên thần”, “nhạc thần”.

Cũng tại nền chùa Phật Tích, về sau, đầu thế kỷ XXI, người ta còn phát hiện một số bức tượng đá trắng là các tượng nhạc công thiên thần cầm nhạc khí. Hiện vẫn chưa xác định được gọi tên của nhạc khí này.

Biên chế âm nhạc đời Trần đã chia làm đại nhạc và tiểu học. Đại nhạc là dành cho cung đình và giới quý tộc; tiểu nhạc là dành cho đại chúng. Biên chế dàn tiểu nhạc đã rất phong phú, cho thấy âm nhạc đã phát triển đến một trình độ đáng kể. Dàn đại nhạc có trống cơm, là một nhạc cụ của người Chiêm Thành, cho thấy âm nhạc nhà Trần tiếp thu và sử dụng âm nhạc của Chiêm Thành.

“Đại Việt sử ký toàn thư” cũng có những ghi chép khá thú vị về tình hình ca vũ thời Trần. Dưới đây là chi tiết cho thấy điệu múa của người Hồ khá phổ biến trong cung đình: “Mùa đông, tháng 10 (năm Mậu Thìn, 1268), vua (Trần Thánh Tông) cùng anh là Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khánh cùng đưa ở trước mặt Thượng hoàng (Thái Tông). Thượng hoàng lúc bấy giờ mặc áo vải bông trắng. Tĩnh Quốc múa điệu múa của người Hồ để xin chiếc áo ấy”.

Qua sự mô tả của Toàn thư, có thể thấy rằng dưới thời Trần, các hình thức biểu diễn tạp kịch đã rất phổ biến ở nước ta. Phải chăng đó là các hình thức ban đầu của các bộ môn nghệ thuật Tuồng và Chèo sau này. Cũng Toàn thư cho biết: “Năm Thiệu Phong thứ 10 (1350) đời vua Dụ Tông, có người nguyên là Đinh Bàng Đức, nhân nước có loạn, đe, cả nhà đi thuyền vượt biển chạy sang ta. Bàng Đức giỏi leo dây, làm trò ca múa. Người nước ta bắt chước làm trò múa leo dây. Trò leo dây bắt đầu có từ đó”.

Một tư liệu quý khác của chính người Trung Quốc chép về nhạc vũ nước ta, đó là sử giả nhà Nguyên là Trần Phú (Trần Cương Trung) sang nước ta vào năm 1293 (niên hiệu Trùng Hưng thứ 9), được mời xem biểu diễn nhạc vũ trong cung đình, thuật lại trong An Nam tức sự như sau: “Tùng dự yến ở điện Tập Hiền bên nước đó, thấy một bọn con hát trai (nam ưu) và gái (nữ xướng) mỗi bên mười người, đều ngồi dưới đất. Có các thứ đàn như đàn tỳ bà, đàn tranh và đàn bầu. Tiếng hát tiếng đàn hoà lẫn vào nhau. Khi hát, thì trước hết e a (lấy giọng) rồi sau mới có lời. Phía trước điện (Tập Hiền) có biểu diễn các trò đá múa, leo sào (dịch lộng thượng can), múa rối trên đầu gậy (trượng đầu khôi lỗi). Lại có người mặc quần gấm nhưng mình lại để trần nhảy nhót hò reo. Đàn bà đi chân không, xòe mười ngón tay ra những chạc cây để múa, thật xấu xa trăm điều”. (...) Hơn mười người con trai mình đều cởi trần, cánh tay liền nhau, chân giậm xuống đất, vừa xoay vòng xung quanh vừa hát

mãi; mỗi hàng khi có một người giơ tay thì mười mấy người cùng giơ tay, khi bỏ tay xuống cũng vậy. Trong các bài hát của họ, có những khúc như Trang Chu mộng điệp (Trang Chu nằm mộng hoá ra bướm), Bạch Lạc Thiên mẫu biệt tử (Bạch Lạc Thiên mẹ ly biệt con), Vĩ Sinh ngọc tiêu (Ổng tiêu ngọc của Vĩ Sinh), Đạp cà, Hạo vân vân, duy có khúc Thần thời thể (than thời thế) là ảo não nhất, song nghe tán mạn không thể hiểu được. Khi trên điện bày yến tiệc lớn cần có đại nhạc thì nhạc sẽ cử lên ở sau chái nhà phía dưới, cả nhạc cụ lẫn người đều không nom thấy đâu cả, mỗi lần rót rượu, thì (trên điện) hô lớn “Phường nhạc tấu khúc mỗ!””, ở chái nhà phía dưới liền có tiếng “dạ” và cử khúc nhạc đó. Nhạc thì có những khúc gọi là Giáng Hoàng Long, gọi là Nhập Hoàng đô, gọi là Yến Dao trì, gọi là Nhất giảng phòng, âm điệu cũng gần giống nhạc cổ nhưng gấp rút hơn mà thôi”.

Những dẫn liệu trên cho thấy, vào thời Trần, nhạc cụ Việt Nam, nhạc cụ Chiêm Thành và nhạc vũ Trung Quốc đã được pha trộn trong các chương trình biểu diễn ở cung đình nhà Trần. Nhạc cụ có đàn tỳ bà, đàn tranh là nhạc cụ Trung Quốc; lối múa mặc áo hở vai và giọng hát bị thương là sắc thái âm nhạc và trang phục Chiêm Thành. Trần Phú nhận xét rằng “âm điệu cũng gần giống nhạc cụ cổ nhưng chỉ gấp rút hơn mà thôi”.

Những ghi chép trong “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” cho thấy trong suốt thời Lý Trần, âm nhạc Chiêm Thành đã có ảnh hưởng đến Đại Việt, và đã được sử dụng phổ biến trong cung đình. Dưới thời Lý: “Năm Thiên Gia Bảo Hựu thứ 2 (1202), mùa thu, tháng 8, sai nhạc công đặt ra nhạc khúc gọi là “Chiêm Thành âm”. Nhạc khúc này giọng sâu oán não nùng, ai nghe cũng rỏ nước mắt”. Sang thời Trần, cả vua Thánh Tông và Quốc Khánh (tức Tĩnh Quốc công, Phiêu kỵ tướng quân) trong lúc đưa giỡn đều múa điệu múa của người rợ mọi. Những ghi chép đó cho thấy, nhạc vũ thời kỳ này đã tiếp thu khá nhiều hình thức diễn xướng mới từ phía Trung Quốc và Chiêm Thành, và được trình diễn cả trong những lúc vui chơi giải trí của sinh hoạt cung đình.

Danh sĩ Phạm Đình Hồ trong *Vũ trung tùy bút* cho biết, hát bội của nước ta có nguồn gốc từ đời nhà Trần nhưng lúc bấy giờ chỉ do quân lính hát và đi điều trong phố vào những ngày có quốc tang, về sau nhân dân mới bắt chước, hát vào ngày Rằm tháng Bảy.

Tóm lại, thư tịch cổ cho thấy rằng, dưới thời Trần, âm nhạc và vũ đạo đã khá phát triển. Về quy chế, đã hình thành hai dàn đại nhạc và tiểu nhạc, với các nhạc cụ rất rõ ràng, đặc biệt biên chế dàn tiểu nhạc rất phong phú. Bên cạnh các nhạc khí có nguồn gốc của Trung Hoa còn có nhạc khí nguồn gốc Chiêm Thành.

Điều đáng lưu ý là, dưới thời Trần, đã có cây đàn độc huyền cầm (tức đàn bầu, một cây đàn đặc biệt độc đáo chỉ có ở Việt Nam, xuất hiện trong biên chế dàn tiểu nhạc). Về vũ đạo và cả khúc cũng có sự pha trộn, tiếp thu ca vũ của Trung Quốc và Chiêm Thành. Ca khúc dưới thời Trần khá phát triển, trong đó có cả việc dùng tiếng Việt để sáng tác ca khúc.

Âm nhạc thời tiền Lý và thời Lý-Trần đã hình thành và phát triển trên cơ sở tiếp thu hai nền âm nhạc lớn là Trung Hoa và Chiêm Thành. Quy mô của dàn nhạc đời Trần đã cho thấy có cả dàn nhạc và tiểu nhạc, bao gồm các loại nhạc cụ riêng và phục vụ cho các nhu cầu khác nhau của đời sống cung đình cũng như của dân gian.

Thời Lý Trần, Phật giáo được coi là quốc giáo, các hoạt động văn hóa nghi lễ trong cung đình cũng tiếp thu và sử dụng âm nhạc Phật giáo.

Với tư cách là một trung tâm Phật giáo, Kinh Bắc đã là nơi có một nền âm nhạc Phật giáo khá phong phú, chứng minh rất rõ sự giao thoa và tiếp biến văn hóa. Thư tịch và hiện vật về Âm nhạc Phật giáo tại Kinh Bắc có giá trị về khảo cổ, văn hóa quý báu. Chúng còn rất nhiều lưu giữ thành tựu mà chúng ta chưa được biết đến, là hiện thân của một giai đoạn trong lịch sử nghệ thuật - văn hóa dân tộc Việt Nam, cần các nhà khoa học bảo tồn và nghiên cứu thêm để lưu lại cho muôn đời sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Huệ Chi (2012)**, *Tổng tập Dư địa chí Việt Nam*, Nxb Thanh Niên.
2. **Louis Bezacier (1955)**, *L'Art Vietnamien*, Paris.
3. **Nguyễn Bá Lăng (1972)**, *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam*, Nxb Văn Hạnh.
4. **Sử quán triều Hậu Lê (1993)**, *Đại Việt sử kí toàn thư*, Nxb Đại học Quốc gia.
5. **Sử quán triều Nguyễn (1998)**, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Hà Nội.
6. **Lê Tắc (2002)**, *An Nam chí lược hiệu bản*, Viện ĐH Huế, Nxb Thuận Hóa.
7. **Lê Mạnh Thát (1982)**, *Nghiên cứu về Mâu Tử*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.